

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HSST

Ngày: 12/01/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sùng A Xà.

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lò Văn Sinh.
2. Bà Nguyễn Thị Khuyên.
3. Bà Hà Thị Vũ.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Đình Hải Nam, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Lò Xuân Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2017/HSST ngày 28/11/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/HSST-QĐ, ngày 28/12/2017 đối với bị cáo:

P, sinh năm: 1982 tại tỉnh Luông Pha Bang, Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân (CHDCND) Lào.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở trước khi bị bắt: Bản N, Cùm N, huyện P, tỉnh Luông Pha Bang, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 9/12 phổ thông Lào; dân tộc: Lào; quốc tịch: Lào; con ông: B (đã chết) và bà: N1, sinh năm: 1967; có vợ: N2, sinh năm: 1983 và 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 19 tháng 7 năm 2017, tạm giam từ ngày 25/7/2017, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Điện Biên và được trích xuất đến phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Quang K, Luật sư, Văn phòng Luật sư A, Đoàn luật sư tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- Người phiên dịch tiếng Lào: Ông Lô Quang T, sinh năm: 1956; trú tại: Số nhà 35, tổ dân phố 27, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ ngày 19/7/2017, tại khu vực nương thuộc bản C5, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, tổ công tác phòng chống ma túy và tội phạm - Cục Phòng chống ma túy và tội phạm Bộ tư lệnh Bộ đội biên phòng và Đoàn Biên phòng cửa khẩu H bắt quả tang P đang bán trái phép 2.458,04 gam Methamphetamine.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay, bị cáo khai nhận: Tối ngày 15/7/2017, P sang nhà Th - Người cùng bản N, Cùm N, huyện P, tỉnh Luông Pha Bang, nước CHDCND Lào ăn cơm thì có nghe Th và Ph là người ở xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên bàn nhau về việc mua bán hồng phiến. Ngày 16/7/2017, Th sang nhà P rủ đi tìm mua hồng phiến về bán cho Ph và hứa trả công cho P 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), bị cáo đồng ý. Bị cáo cùng với Th sang bản N, huyện P mua được ma túy mang về nhà Th cất giấu. Đến 07 giờ sáng ngày 19/7/2017, Th rủ P mang hồng phiến sang Việt Nam để bán cho P. P có hỏi nguồn gốc, số lượng hồng phiến thì được Th cho biết có 130 gói mua của Th giá 1,4 triệu đồng Kíp Lào/01 gói, đã trả trước một nửa tiền, Th đi trước, P đi theo đường mòn hướng bản C5, xã P, huyện Đ. Khi hai bên gặp nhau tiếp tục đi bộ đến lán nương thuộc đất bên Lào giáp gianh với bản C5, xã P thì ngồi nghỉ, Th gọi điện thoại cho Ph nói chuyện với nhau rồi đưa chiếc túi đựng hồng phiến cho P cầm và dẫn trông coi, còn Th đi gặp Ph. Khoảng 30 phút sau, Th gọi điện cho P mang túi hồng phiến xuống bản C5, xã P để bán. P khoác chiếc túi đựng hồng phiến đến điểm hẹn, đang đi thì thấy P đi xe máy đến đón chờ P đến chỗ 02 người mua ma túy, P đi xe máy tiến lên phía trước để cảnh giới, Th cảnh giới phía sau. Khi P đang mở túi cho 02 người mua xem thì bị bắt quả tang cùng vật chứng, các đối tượng Th, Ph và 02 người đến mua ma túy đã kịp chạy thoát.

Tại bản Cáo trạng số: 75/QĐ-VKS-P1 ngày 27/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã quyết định truy tố bị cáo P ra trước Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên vẫn giữ nguyên nội dung trong quyết định truy tố về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo P mức án tù Chung thân; không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu, tiêu hủy toàn bộ số ma túy có trong vụ án, 01 túi tự làm bằng vỏ bao xác rắn, 01 túi nilon màu đen cũ; tịch thu, bán sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng do bị cáo đã dùng làm phương tiện phạm tội; trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động bàn phím bấm và 01 ví da đã cũ.

Người bào chữa cho bị cáo nhất trí với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo P về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” là chính

xác và nhất trí với bản luận tội, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 và áp dụng Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo, xử phạt bị cáo mức án thấp nhất. Không phạt bổ sung bằng tiền theo khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 đối với bị cáo vì bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu. Bị cáo không tranh luận gì đối với đại diện Viện kiểm sát, không bổ sung gì đối với nội dung bài bào chữa của Luật sư. Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo hưởng mức án tù có thời hạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Xét về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo không có khiếu nại về các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, của Viện kiểm sát, của Tòa án; không khiếu nại về hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Thư ký về hoạt động tố tụng. Do đó, các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng là đúng quy định của pháp luật; các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án là hợp pháp; việc thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa là khách quan, không oan, sai đối với bị cáo.

[2] Xét về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa công khai sơ thẩm ngày hôm nay, bị cáo không thắc mắc gì về bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên. Bị cáo công nhận quá trình bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng, mở niêm phong cân xác định trọng lượng, trích mẫu gửi giám định, bị cáo đều được chứng kiến và công nhận là đúng quy trình, quy định của pháp luật. Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang lập vào hồi 18 giờ 30 phút ngày 19 tháng 7 năm 2017, Biên bản mở niêm phong xác định trọng lượng, trích mẫu gửi giám định vào hồi 07 giờ ngày 25/7/2017 và các Biên bản hỏi cung bị can tại Cơ quan điều tra. Trong phần tranh luận, bị cáo không bổ sung thêm lời bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo và bị cáo không tranh luận gì với Kiểm sát viên tại phiên tòa; lời nói sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Vật chứng thu giữ của bị cáo đã được Cơ quan điều tra ra Quyết định trưng cầu giám định số: 69 ngày 26/7/2017, trưng cầu Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Điện Biên giám định loại ma túy và trọng lượng (khối lượng) chất ma túy.

Tại bản Kết luận giám định số: 682/GĐ-PC54 ngày 21/8/2017 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận:

“- 130 (một trăm ba mươi) mẫu viên nén màu hồng, màu xanh gửi giám định được trích từ vật chứng thu giữ của P là chất ma túy: Loại Methamphetamine.

- Trọng lượng vật chứng thu giữ của P 2.458,04 gam viên nén màu hồng, màu xanh;

- Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 67, Danh mục II, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013.”

Bản kết luận giám định về chất ma túy và trọng lượng (khối lượng) chất ma túy là có cơ sở khoa học, có tính chính xác.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để xác định rằng: Ngày 19/7/2017, bị cáo P đã có hành vi mua bán trái phép 2.458,04 gam Methamphetamine. Hành vi đó của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội **“Mua bán trái phép chất ma túy”**, tội phạm được quy định tại điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Bởi vậy, bản Cáo trạng số: 75/QĐ-VKS-P1 ngày 27/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo P về tội **“Mua bán trái phép chất ma túy”** theo điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 là chính xác, đúng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[3] Xét về tính chất của vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án này mang tính chất đặc biệt nghiêm trọng quy định tại đoạn 4 khoản 3 Điều 8 năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra. Bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, song, vì mục đích tư lợi, bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội mua bán trái phép chất ma túy với số lượng 2.458,04 gam Methamphetamine. Hành vi đó của bị cáo đã xâm phạm đến sự độc quyền quản lý về các chất ma túy của Nhà nước. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò thứ yếu là người mang hộ ma túy một đoạn đường đến địa điểm giao dịch thì bị bắt (theo lời khai của bị cáo và Biên bản bắt người phạm tội quả tang).

Trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo còn thể hiện các đối tượng: Đối với người tên Ph là người chỉ mối mua hồng phiến, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại bản N, xã P, huyện Đ không có ai tên là Ph nên không đủ cơ sở để xác minh làm rõ.

Đối với Th người Lào đã rủ P đi mua ma túy mang đi bán, do không đủ thông tin nên không xác minh được lai lịch, nhân thân để điều tra làm rõ được.

Đối với hai đối tượng cùng P đến mua ma túy, do P không biết tên, tuổi cụ thể nên không xác minh làm rõ.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Bị cáo sinh ra và lớn lên tại bản N, Cùm N, huyện P, tỉnh Luông Pha Bang, nước CHDCND Lào, được nuôi ăn học hết lớp 9/12 phổ thông Lào, ở nhà lao động sản xuất. Năm 2001, bị cáo xây dựng gia đình và có 03 người con. Đến ngày 19/7/2017, bị cáo bị bắt quả tang về hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Về tình tiết tăng nặng. Bị cáo không có các tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Về tình tiết giảm nhẹ. Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Do đó, khi quyết định hình phạt cần giảm nhẹ hình phạt phần nào cho bị cáo.

[5] Xét về hình phạt bổ sung bằng tiền: Hội đồng xét xử, xét thấy hiện tại bị cáo không có điều kiện để thi hành, Hội đồng xét xử cần miễn cho bị cáo theo khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

[6] Xét về vật chứng: Cần áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử lý vật chứng.

Tịch thu 01 gói niêm phong bằng bì caton hình hộp chữ nhật có kích thước (18 x 22 x 32) ghi: Vật chứng vụ án P là ma túy vật không được phép lưu hành, 01 túi tự làm bằng vỏ bao xác rắn, 01 túi nilon màu đen không còn giá trị sử dụng cần tịch thu để tiêu hủy.

Tịch thu 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội để bán sung quỹ Nhà nước.

Trả cho bị cáo 01 điện thoại di động, 01 ví da màu đen do không liên quan đến vụ án.

[7] Xét về án phí: Cần căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Xét về quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Luật sư bào chữa tại phiên tòa: Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên nội dung trong quyết định truy tố về tội danh đối với bị cáo P theo điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 và đề nghị xử phạt bị cáo P tù **Chung thân**; không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo vì bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên khó có khả năng thi hành án; tịch thu vật chứng là toàn bộ số ma túy trong vụ án, 01 túi nilon, 01 túi bao xác rắn để tiêu hủy; thu 01 điện thoại cảm ứng là phương tiện phạm tội để bán sung quỹ Nhà nước; trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động bàn phím bấm, 01 ví da cũ do không liên quan đến vụ án. Hội đồng xét xử thấy việc đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Luận cứ bào chữa của Luật sư nhất trí về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo như của Viện kiểm sát; bị cáo là dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu, vùng xa đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 và áp dụng Nghị quyết số: 41/2017/QH14 về áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đối đáp với Luật sư, không chấp nhận áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 41/2017/QH14 đối với bị cáo. Hội đồng xét xử thấy quan điểm của Kiểm sát viên là có căn cứ, cần chấp nhận.

Trong phần tranh luận, bị cáo không bổ sung lời bào chữa của Luật sư bào chữa, không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo P phạm tội: Mua bán trái phép chất ma túy.

2. Hình phạt: Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo P tù Chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (ngày 19/7/2017).

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

** Tịch thu, tiêu hủy:*

+ 01 (một) gói niêm phong bằng hộp bìa catton hình chữ nhật có kích thước khoảng (18x22x32)cm; ghi dòng chữ đánh máy: Vật chứng vụ P, sinh năm: 1982, trú tại: Bản N, Cụm N, huyện P, tỉnh Luông Pha Bang, nước CHDCND Lào, gồm: 130 gói bằng nilon màu xanh, miệng có nẹp nhựa, bên trong chứa 25.933 viên nén Methamphetamine màu hồng, màu xanh có kí hiệu WY có trọng lượng 2.458,04 gam; đã trích: 130 mẫu = 650 viên có trọng lượng 58,5 gam giám định; còn lại: 25.283 viên có trọng lượng 2.399,54 gam.

+ 01 (một) túi tự làm bằng vỏ bao xác rắn có hàng chữ: “AN TOÀN - HIỆU QUẢ - TẠO NẠC” có quai đeo đã cũ.

+ 01 (một) túi nilon màu đen đã cũ.

** Tịch thu, bán sung quỹ Nhà nước:*

01 điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, màu trắng - đen (không rõ nhãn hiệu) - điện thoại cũ, đã qua sử dụng.

** Trả cho bị cáo P:*

+ 01 (một) điện thoại di động, loại bàn phím bấm, nhãn hiệu: unitel MP3, màu trắng - đen, điện thoại cũ, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) ví giả da màu nâu đã cũ.

(Theo Biên bản Giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Điện Biên và Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Điện Biên ngày 14/11/2017).

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai hình sự sơ thẩm có mặt bị cáo, bị cáo có quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/01/2018).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Trại tạm giam;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Phòng HCTP-Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- UBND (T/báo);
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Sùng A Xà